

NĂM THỨ NĂM SỐ 208 208

Thứ năm, 18 tháng 10-1945

TRITÂN

TẠP CHÍ

知新
雜誌

Giá 1\$20

Ung hộ cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam B

Thong trào chính trị trong mấy tháng vừa qua

KIẾP-XUÔNG

TRONG thời gian mấy tháng vừa qua, chúng ta đã được xem những cuộc biến lớn của lịch sử diễn ra một cách chớp nhoáng. Xã hội, thực quả không lúc nào như lúc này, đã biến đổi trong một vài năm bằng một thế kỷ, khiến người quan sát, nếu không có con mắt «nhất mục thập hàng» không thể ý hội được hết những trang sách đang dở gập.

Sau ngày 9-3 thế lực Pháp đã bị tiêu sạch! Sự ấy không phải do cái binh lực của 2 bên có chênh lệch — (binh lực của Pháp, không phải kém Nhật) — mà đã tỏ một cách rất hùng biện cho khắp thế giới và muốn nghìn đời về sau bề rả g đến ngày hôm ấy là kẻ liễu cái chính thể thực dân ở trên đất Việt-Nam. Đúng thế, không ai có thể ngờ rằng một chính phủ có quyền lực mạnh mẽ chức ở trên xứ này đã hơn 100 năm, lại bị què quặt một cách gọn lỏ, khốn nạn, đơn tén và lẻ cưởi tro g không đầy 24 tiếng đồng hồ. Đúng thế, trông bên ngoài, ai không bảo rằng cái hình quyền của vị Pháp ở đây là rất mạnh, vĩ đại

không lồ nữa. Song nó đã không lỏ với cái bộ bằng đất (bỏ, nó đã là một cây còi thụ già cỗi - với bao nhiêu rễ đã bị thối nát cả, nên một cơn gió mơn đã bay bật đổ một cách thảm hại xuống vũng bùn.

Ngày hôm ấy nó mới chết, song nó ốm đã từ lâu, nó là một cái quái trạng, một cái quái thai của xã hội ta đã vô duyên mắc phải hơn 80 năm nay, vì đã không biết thích ứng với hoàn cảnh để sinh tồn vào khoảng trung gian thế kỷ 18.

Đã được nào phải do dân tộc ấy quản trị hoàn toàn, đây là một lẽ tự nhiên mà cũng là một luật chắc chắn cần thiết cho sự sống còn của xã hội. Trái lại thế, chỉ còn có 2 cách:

1) Nếu cái dân tộc ấy không có năng lực sinh tồn, phấn đấu, nó phải tiêu diệt.

2) Cái thế lực ngoại lai không sớm thì muộn phải tan rã, như một cây tầm gửi đã vô phúc bám phá một cây gỗ khỏe quí và rắn quí.

Lịch sử tranh đấu mấy nghìn năm nay của dân tộc Việt nam ở giữa một hoàn cảnh áp bức bở

những lực lượng gấp bội hơn đã tỏ rõ năng lực sinh tồn phẩm đấu của ta không sức gì đè nén được. Cái chế độ thực dân, làm gởi ăn nhờ tịa, trách nào không bị rơi rụng trước làn gió Nhật, vì nó đã không ăn sâu rễ được vào «cây Việt nam», và «cây Việt nam» cũng không có c m lình gì với nó!

Nhưng một cơn gá đã cắt tiết rồi, vẫn còn dây chết và có khi vũng chảy được. Cái chế độ thực dân đã tan rã ấy, còn cố muốn phục sinh lại và khôn hơn hôm nó nhập vào cái sắc rất lớn mập là quân độ Nhật để tái diễn lại cái trò cũ ở Việt nam. Hơn nữa nó lại tá klầu vào nội các người bản quốc rất có đức vọng và không phải thiếu tài năng, nhưng rút cục, trên đất Việt nam ta đã thấy gì?

1) Một cuộc kháng Nhật gan dạ của dân quân miền bắc
2) và cái thái độ bất hợp tác của dân toàn quốc.

Dur điều kiện nhé, chế độ thực dân, quân lực có, đức vọng có, tài năng có, danh nghĩa có song luật đào thải của xã hội tiến bộ đã định rằng máy chết, thì máy phải chết.

(Xem tiếp trang 15)



Trên chó, dưới chó

NG Ich Khiêm người

O Quảng-Nam đỗ Cử nhân và làm quan về đời Tự-đức, ông rất tài, võ lược gồm đủ, song phải tính kiêu ngạo, ương ngạnh nên làm quan nhiều phen chắt trở. Khi làm Bắc-kỵ tham tán quân-vụ địa-thần, có công giúp được giặc Khách Ngộ Côn ở Bắc Ninh, sau phải giáng rồi ra Bắc lập công chuộc tội, lại mắc lỗi mà bị hạ ngục ở Lang-sơn. Mấy năm chìm nổi trong oan hải nên lớn là tại cái tính quá ương gáy ra. Chẳng thế mà người đương thời có câu rằng:

Nước Nam có bốn gian hàng
Trường gian Viêm giặc, Khiêm
khủng Thuột ngu Thiên hạ phải
gọi là Khiêm không đã đủ tỏ cái
tâm tính của ông ta. Tục truyền
rằng: Khi mới đỗ cử nhân, được
bỏ ra tuần đạo ở một huyện
thuộc Thanh hóa. Ông có làm
một đôi câu đối dán ở cửa trường
rằng:

Nhà đột đôi ba gian, một thầy,
một cô, một chó cái.
Học trò năm bảy đứa, nửa người,
nửa ngợm, nửa dưới trời.

Thực là những lời chua chát
đề tỏ lỗi bực mình của một người
có tài mà ki ông được đại dụng.

Lại thêm truyện kể sau đây:
thực là phát hiện được tính
khinh đời và giọng mỉa mai,

mà xỏ xiên nữa của ông ta. Khi ấy ông làm quan trong kinh, một hôm ông mời các bạn đồng liêu đến nhà đánh chén. Các ông bạn đến đông, sau khi đàn nước chưa ập, rồi ông sai người nhà bưng mâm, một ông trông vào mâm nói: « Quan bác bày vẽ ra làm gì nhiều thế này. Ông đứng dưới, tay chỏ, miệng đáp: « Bầm các quan có g đầu chỉ có thịt chó đây thôi ạ! Trên chó, dưới chó toàn chó cả đấy ạ! »

Không biết các quan có điềm nhiên mà soi được bữa thịt chó này không ông?

Sao không mời một ông
Thú y

Tề tướng Tề - tử - Mạch nước Đức là một khách hàng tính nết lạ đời với các ông thầy thuốc. Ông ta có tính là không kể bệnh với thầy thuốc đến chữa, mà lại không bằng lòng để thầy thuốc hỏi bệnh nữa. Một hôm ông ta ốm, cho mời một ông thầy thuốc, Thầy thuốc không biết tính ông ta, mới thoạt vào đã hỏi ông ta nhiều lâu lắm. Ông bực mình nói rằng: « Ông chữa thì cứ chữa, hỏi gì mà lâu thế! » Ông thầy thuốc không chút nể nang, đáp liền: « Nếu vậy thì ông chủ việc mời một ông Thú y đến chữa cho ông ». Ông Tề tướng chưa kịp hiểu nghĩa câu ấy, hỏi lại: « Sao lại thế? » — « Vì rằng các ông Thú y chữa khách hàng mà không

hỏi bệnh khách hàng bao giờ ». Nói xong, ông thầy thuốc bỏ về.

Tuy thế ông Tề-tướng không lấy làm giận sai mời ông thầy thuốc lại, và từ bấy giờ trở đi, chuyên dùng thuốc của ông ta.

Pho tượng võ

Rodin là một nhà điêu-khắc có tiếng ở bên Pháp về cuối thế-kỷ trước. Một hôm một ông chủ rạp hát cần một pho tượng để bày trong một cảnh, liền viết thư đến ông ta, xin mượn. Vả, điêu khắc cho đem lại bức tượng nhà thi-hào Victor-Hugo một tác phẩm của ông ta, pho tượng để làm mẫu, có tên ký của thân.

Kịch đến xong, ông chủ rạp hát ết cho nhà điêu khắc:

« Bầm ngài buổi đầu vừa rồi, một tên kép vụng về đã dấn vào pho tượng, vỡ làm ba mảnh. Chúng tôi thực lấy làm áy náy lắm.

Vậy xin ngài làm ơn cho biết: rằng ngài dạy bao nhiêu để chúng tôi xin nộp? Nhà điêu-khắc trả lời: « Khi xưa, ông mượn pho tượng, tôi đã biết rằng khó mà pho tượng ấy lại trở về toàn vẹn được. Thực vậy nên tôi cũng định ý là để đem lại biếu ông. Vậy thì ông không phải trả tiền nong gì cả. » Ông chủ rạp trả lời: « Bầm ngài pho tượng ấy hiện nay ở nhà tôi không vỡ và tôi đã đem bày trong phòng khách xin thú thực rằng tôi thích pho tượng ấy quá, và không biết làm cách nào mà xin ngài được. Lòng động rỗi của ngài làm cho tôi cảm kích vô hạn. »

Nhà điêu khắc lần này không trả lời nữa.

TRINH PHONG

Sau « TUẦN LỄ VÀNG » chúng ta nên biết :

VÀNG LA GÌ ?

NƯỚC VIỆT NAM CÓ THỂ CÓ BAO NHIÊU VÀNG ?

NGÔ CÔNG



H U A kê sổ vàng của các tỉnh, của Trung bộ và Nam-bộ, chưa kê sổ vàng trong ngày bỏ mạt, riêng ở ngày đầu, dân chúng địa phận Hoàng - Diệu đã cúng : 2201 lạng vàng và 2551.000 \$ và 9200 tạ thóc trị giá tất cả là 7 triệu đồng.

Tính theo giá quốc - tế trên thị trường Quảng - Đông chính - thức biết hồi cuối tháng hai vừa rồi, 2201 lạng vàng trị giá 3.847.348 \$.

Con số ấy đủ chứng rằng : chính thể dân - chủ cộng hòa đã được phần-tử phú-bào Việt - nam ở thủ-đô nhiệt - liệt hoan - nghênh, tán thán, tin-nhiệm và ủng hộ.

Con số ấy đã nói : cuộc cách-mạng dân quyền của dân-tộc Việt - nam, bùng nổ ở thủ-đô ngày 17 tháng 8, trong một cuộc hội họp hàng triệu đồng bào, đề phát-biểu khẩu hiệu CỨU QUỐC, chẳng những là hành - động tự - vệ của tầng lớp công nông — cuộc cách-mạng ấy còn là hành - động kiến - thiết của người có của.

Con số ấy còn nói : trước việc gây dựng, củng cố và phát - huy nền ĐỘC LẬP, dân-tộc Việt - nam là một khối duy-nhất, không phân biệt giàu nghèo.

Người có sức, giúp nước không tiếc sức.

Người có tài, giúp nước, không tiếc tài, và người có của, cũng giúp nước, không tiếc của.

Xã-hội Việt-nam đã huy - động sức, tài và của để trao-đấu cho nền Dân-chủ cộng-hòa, để thực-hiện những khẩu hiệu : độc - lập, tự do và hạnh-phúc. Tôi viết : đã huy-động — chứ chưa phải hy-sinh.

Sức tráng - sĩ Việt - nam còn phong-phú.

Tài tinh-anh Việt-nam còn tiềm tàng, và của người giàu Việt-nam còn dồi-dào.

Tất cả những nguyên-liệu kiến-thiết ấy còn đợi được dùng đến và, nếu cần, được hy-sinh cho nền Dân-chủ.

Sức trong Giải-phóng quân mới chỉ là một phần tiên-phong.

Tài trong cơ-quan đều - khiến mới chỉ là một phần tham mưu.

Kết-quả tuần-lễ vàng mới chỉ là một phần của cái nhiệt-vội trong tư-nang thừa thãi.

Bình - phẩm kết - quả ấy, tôi muốn mời độc - giả trước hết hãy đề ý vào tâm-nhiệt-thành của nhà phú-bào, tôi muốn mời độc - giả

ghi nhớ những cử-chỉ sốt - sắng đề nhận - thức sự duy - nhất của phong-trào Cách - mạng hiện tại.

Rõ sau, này đề ý đến những con số.

2201 lạng vàng. Con số ấy to hay nhỏ ?

Đề ước-lượng cho đích-xá, một vài chi - tiế trong kinh - tế Việt-nam cần phải nêu lên ở đây.

Vàng là gì ? Từ trước đến nay vàng tăng giảm, luân - chuyển ở nước ta ra sao ? Và nước ta có thể có bao nhiêu vàng ?

Theo một công - thức tư - bản quốc-tế đang ứng dụng hiện thời, vàng là một thứ của-cải bên cạnh những của chim và của núi khác. Công-thức ấy cũng rất phổ-thông ở nước ta. Các bà, các cô (và các ông nữa) muốn biểu-dương sự giàu có của mình, phải đeo vàng. Công - dụng của vàng chỉ có thế. Ngày nào, công-thức kia bị xóa bỏ, ngày ấy thiên - hạ sẽ hết chuồng vàng.

Trong giai-đoạn đó - hộ Pháp, trong nước ta vàng cũng luân-chuyển như những của chim và của núi khác, và càng luân chuyển càng bị hao - hụt. Vì nhiều lẽ, tự-nhưng có hai lẽ chính :

Lẽ thứ nhất: theo ảnh-hưởng của kinh - tế, trong vòng luân-chuyển, vàng phải tập - trung vào bậc phú - hào, y như nước phải đọng ở chỗ thấp. Tập - trung như thế, vàng có khi phải thay hình đổi dạng mà hao mòn dần đi. Biết bao nhẫn, vàng, xuyến, đã biến thể thành những vật trắng-lộ, hoặc trở về hình - thức vàng thoi, vàng nén — rồi lại từ hình-thức này, bị đúc thành những vật trang điểm khác.

Lẽ thứ hai: — và là lẽ hệ-trọng hơn: ảnh-hưởng của chính-trị, kết - quả của cái họa mất nước 80 năm về trước, chính-sách thực - dân Pháp giao độc-quyền buôn vàng cho một nhóm tư-bản: Đông-dương ngân hàng, chỉ Đông - dương ngân - hàng có quyền mua vàng do các mỏ khai ra, chỉ Đông-dương ngân-hàng có quyền mua những số vàng lớn ở các tiệm cầm đồ của tư - gia hay của chính-phủ. Vàng Đông-dương ngân-hàng mua được ở hai nguồn ấy, không bao giờ trở về với thị - trường Đông - dương. Vàng ấy đã lần lượt lên đường đi Tây để đến Paris nằm nghỉ tại Pháp quốc ngân hàng. Một người Việt Nam từng tiền, đem vòng xuyến đến tiệm cầm đồ, rồi quá hạn không chuộc nổi, không ngờ đã vô tình tự ý mang vàng đề nộp vào kho thực dân: Đông-dương ngân-hàng. Luân-chuyển theo luận-điện ấy, tất nhiên vàng ở nước ta chỉ có mỗi ngày một giảm.

Nhận rõ như thế, ta sẽ không ngạc nhiên lúc thấy số vàng ở nước ta chẳng còn bao nhiêu. Rồi

bei đó, ta lại càng thấy kết quả tuần lễ vàng ở thủ đô Hà-nội là một tang chứng hùng biện cho trình độ thống-nhất của nhân-tâm Việt-Nam lúc này.

Thực ra, nước ta có thể có bao nhiêu vàng?

Nhận ngay rằng: số vàng trong một nước — một nước hoàn toàn độc-lập — tăng giảm không phải chỉ tùy ở sức sinh-sản của những mỏ vàng của nước ấy, nhưng còn tùy rất nhiều ở sức sản-xuất những nguyên-liệu, hóa-phẩm và khí-cụ thiết-dụng của nước ấy, tùy rất nhiều ở việc buôn bán với các xứ ngoài nước ấy.

Trong việc buôn bán với nước ngoài, xuất-cảng và nhập cảng hơn kém nhau bao nhiêu, liền thanh toán bằng vàng. Ai cũng biết vì lẽ đó nên Hoa-kỳ, trước chiến tranh, đã tập trung được 16 ngàn triệu mỹ kim, tính ra là $0,68886713 \times 16.000.000.000 = 14.218$ tấn 740 cân vàng - 60 phần trăm tất cả số vàng hiện có trên thế giới (1)

Bên cạnh con số ấy số vàng Nhật được trong tuần lễ vàng, tại Hà-nội, chỉ là một con số tỷ-hoàn: $37 \text{ gam } 5 \times 2201 = 82 \text{ cân } 54$

Nhưng nếu so sánh với số vàng của nhóm tư bản ngoại quốc to nhất ở Đông-dương (và có lẽ to nhất ở Viễn-dông) Đông-dương ngân-hàng, đã Nhật được ở đây và chưa kịp gửi về Pháp, thì cũng không đến nỗi phải cho là ít-ỏi. Thật thế, số vàng của Đông-dương

ngân-hàng tích trữ ở Đà-lạt hiện thời chỉ có: 215 cân.

Và nếu tôi dẫn ra đây số vàng xứ Đông dương đã lượm được trong việc buôn bán với ngoại quốc, thì hẳn độc giả phải bàng-lòng và có thể tự tin nhiều lắm.

Số này rất to, và mỗi ngày một to thêm. Chỉ riêng trong nửa năm 1941 và những năm 1942 và 1943 một phần ba số trời - na ngoại-thương Đông-dương đã biến thành: 32 tấn 600 cân vàng. Nếu tất cả số trời. nghĩa là 3 phần ba, thì có phải chỉ trong hai năm trước, Đông dương đã có: $32.600 \times 3 = 97$ tấn 800 cân vàng?

Tại sao lại một phần ba, chứ không tất cả? Giải-thích thật kỹ điều này sẽ không khỏi dẫn chúng ta, người đọc và người viết, đi đến những chi-tiết chính-trị phức-tạp, ra ngoài phạm-vi một tuần lễ vàng. Chỉ xin tạm ghi qua rằng: trong những cuộc đàm-phán ba bốn năm về trước, giữa Nhật-bản và Pháp, bọn Pétain, Doreux đã đứng vào địa vị kẻ yếu-bèn và các nhà công-lý đã nghiêng lệch với những hiệp-ước cường-bách.

Thực ra, xứ Đông-dương — trong ấy nước Việt-Nam chiếm một phần hệ-trọng — là một xứ giàu nguyên-liệu và hóa-sản. Trong cuộc mạo-dịch quốc-lũ, vàng đã

(Xem tiếp trang 20)

1) Trọng lượng của mỹ-kim, theo cứ vào trọng lượng của vàng quốc tế: $0,2.103 \text{ cân } 3191634955 \text{ và } 165 \text{ là } 103 = 3191091955 = 0,68886713$

GÓP VUI

BA CON VỊT

Năm Kỷ-sử (1839) ông Trương Quốc Dụng cùng ông bạn họ Trần tới kinh thi hội. Cùng đi có ông cử Nguyễn-khắc-Khơn người làng Tĩnh-thạch, ông cử Hồ-vĩnh-Trình người làng Chỉ-châu và ông phó bảng Nguyễn-bữu-Thường. Khi đến quán trọ Thanh lương thì giới tới, chia nhau vào ở trọ mấy nhà. Sáng hôm sau dậy sớm, ông Trần nói đêm qua chiêm bao đến một chỗ, ngồi ở trong nhà trông ra ngoài sân thấy có ba con vịt, rồi có một người từ ngoài đi vào, bắt một con vịt đưa cho ông Trần mà con vịt ấy lại què một chân. Mọi người đều cho là tốt, vì vịt chữ nho là áp mà một nửa chữ áp là chữ giáp ba con vịt tức là tam-giáp. Khoa ấy ông Trần quả đỗ tam - giáp thật. Khi về vinh quy, ông Trần ông Trương và quan Phó - hiến họ Bài cùng về Bấy giờ đương độ tháng 7, đi trong quãng đường Hoảng-lễ, gặp trời đổ mưa, nhân gần đường có một cái miếu, ba người cùng vào trú ẩn. Đấy tổ của ông Trương ông Bài đều vào đây cả; duy ông Trần có mấy người đầy tớ đi lặt lại sau, không biết ông Trần vào trú trong miếu nên cứ việc đi thẳng. Mọi người ở trong miếu trong ra, thấy bọn họ bỏ cả hành lý, chạy lặt đặt như đang trốn đuổi cái gì, một lát rồi lại đi. Quãng đường chỗ ấy những đồi núi, cách với cha dân ở khá xa, không có sự chăn nuôi gì. Đến lúc mưa tạnh, mọi người ra đi, đến nhà trọ Hòa-hiếu, bọn họ đã vào nghỉ ở đấy, hành lý thấy có ba con vịt. Ông Trương chợt nhớ đến chuyện giấc mộng của ông Trần đề trước, nhân nói với mấy kẻ khác có một con vịt què. Xem thế thì quả nhiên.

KHÂM-TRAI

ĐỘC LẬP

VỚI TỰ LẬP



Độc-lập nghĩa là đứng một mình mà không ai chen cạnh được và duy mình có đặc-quyền đối với mình chứ người ngoài không có quyền gì đến.

Kinh Dịch nói đang thì đại-quá, nghĩa là thời dựng nghiệp lớn phi thường và giấy công lớn khác đời thì bậc quân-tử phải độc lập chẳng sợ, đó là nói về một người độc lập. Sách Tuân-tử nói dù đất nước trăm dặm cũng đủ lấy độc lập, ấy là nói về một nước độc lập.

Tự-lập là tự biết đứng lên mà không cần ai thúc dục và tự đứng vững mà không đợi ai đỡ đỡ. Kinh Dịch nói xem tượng sấm gió nhưc-dộng mà vẫn giữ thường thường, bậc quân tử tự lập mà chẳng đổi phương-châm, ấy là bậc thánh hiền hào kiệt như ông Chuấn dù gió mạnh sấm chớp chẳng mê; thiên Nhọ-hạnh nói người học-trò tự lập thì sớm tối cố học, giữ lòng trung tín và ra sức làm việc, ấy là bậc nho thật tự lập đáng như cửa báu trên chiếu đề đợi người ta đón rước.

Muốn độc lập mà chẳng biết nghĩa tự lập thì độc lập chẳng vững, biết tự lập mà sẵn nền độc lập thì tự lập càng cao. Ấy độc lập với tự lập có quan hệ đến nhau chẳng những ở hình thức mà lại ở cả tinh thần nữa. Cho nên chúng ta đã độc lập phải nên tự lập mà cố tự lập để giữ độc lập.

TRẦN-HÀM-TẤN

HÀ-THÀNH NHÂM-NGỌ LỤC

(tuồng cổ)

Khai-sinh ĐƯƠNG-TỰ-QUÂN dịch

Một ông bạn nhân đến thăm tôi thấy chung quanh chỗ bàn gậy của tôi đều là tủ sách chất ních, khi ra về có đưa bảo: « biết bác là người ham đọc sách, tôi sẽ làm quà cho bác một quyển thư tuyệt »

Quả nhiên, mấy hôm sau, bạn đem đến cho tôi một quyển vở giấy bìa, chữ viết tay, bìa ngoài nôm lót đỏ ra thì là quyển « Hà-thành nhâm-ngọ lục » mà bạn S. C. đã có nói đến trong Tri-lân số 192. Tôi liền dịch và cho in dưới đây để các bạn đọc gien quý cùng thưởng thức, nhân tiện xin có lời cảm ơn ông bạn đã tặng tôi món quà quý ấy. —

Ngày 1-3-45

Xuất đầu (như như dạo đầu)

Bắc-cực tinh thần, Nam thiên vũ-lộ
tôi xin đến tể Hà-Thành Nhâm-ngọ:
Quan tây sang chiếm lấy tỉnh thành,
Ghôn phần hoa nôi đâm chấn tranh,
Thôi cũng lắm chuyện lưu danh thiên-cổ,
Lưu danh thời họ Hoàng quan-lớn,
Dưới nữa là cử Dũng, cử Long,
Đương cơn giáp chiến giao công,
Cử Dũng đã đao đao (1) tử trận
Cử Long thời cô thân tự phần,
Phận tuy bền nhưng tiếng cũng nên khen,
Đur như tiểu đại quan viên,
Thôi tiếng cũng đề với Nhị Nàng thiên cổ,

Vậy có thơ rằng:

Thân tại đương thời danh tại hậu,
Nhất danh thiên cổ giai bất hủ
Anh hùng kết cục tông như tư,
Vi nạn vi luân tùy sở ngộ (2)
Anh em kếm lối trở lại phòng.

Ca một khúc vào, lại hai người đi ra,
Đưa ca một khúc rồi nói:

Anh em kếm lối đi quét công doanh, phải
phép chăng?

Lại ca một khúc:

Đạ, công doanh tôi đã quét rồi, mời quan
lớn thẳng đường thị sự.

Quan Tổng đốc ra, hát

Hải vân anh khí chung nhân kiệt,
Nàng Linh quang phong hộ sử thiêu (3).

Xưng danh:

Nha trương từ phương khuyết, thiết kỵ
nhiều long hành 4 vàng mệnh vua ra tổng
đốc Hà ninh ngộ mỹ tự là Hoàng minh-Viên,
đó cũng là đế vương cổ dận, việc nhưng trã
ta phải lo toan, kéo đến khi ngời chực nước
chàn, lại mang nặng với phượng ngoại khấu;
vạn chung hổ chũ 5), hại giang sơn vì một
chữ hòa, vì bây giờ khôn tự rị tại ta, ngại
sau nữa có khi nạp vũ 6); trừ đương tiết
xuân thiên chi thủ truyền bản binh sắp lổ, ta
đi yốt miếu Tôn vương

(Xem tiếp trang 10)

1) Một cơn đao

2) Diễn nôm:

Thân một lúc mà sống mãi sau,
Nghìn thu thêm để kếm ai đâu?
Kưa nay cói nợ anh hùng thữ,
Hòn đạ bánh cơ kháo giổ g nhân.

3) Nghĩa: khí thiêng hải vân đức kẻ hiền,

áo h sáng Nàng Linh thu doanh sử

4) Nghĩa: bài ngà vàng gáo phượng,

ngựa sắt diên thành rồng.

5) Đại đồ

6) Chũ nhạc.



TÀI LIỆU

ĐỀ ĐỈNH CHINH NHỮNG BÀI VĂN CỐ

38 89

Ông-học NGUYỄN-VĂN-TỔ

CXXXV. — Kim-Vân - Kiêu
(hồi thứ tư) (bài nối)



 HUY KIỀU viết xong bức thư đưa cho Thúy-Vân, nghe có người gõ cửa, liền đứng dậy mở cửa, thấy mẹ cùng mẹ mỗi vào. Mẹ mỗi làm ra vẻ thân - mật, hỏi rằng : « Có phải cô em này không ? » Thúy-Kiều đáp : « Chính tôi đây ». Mẹ mỗi nói : « Gần đây có nhiều người ở k nh, muốn lấy vợ lẽ, không chịu tốn số tiền lớn, mà tôi lại sợ bọn họ đi lừa, nên tôi không dám tác-hợp. Nay có một người ở Lâm-tri, muốn lấy vợ lẽ chịu xuất tiền, nhưng sợ rằng không biết có có thuận không nên cậy tôi đến nói chuận với cô trước ». Thúy Kiêu gạt nước mắt thưa rằng : « Người ta đã chịu xuất số tiền ra cứu cha tôi và em tôi, thì xin cứ mời người ta đến ». Mẹ mỗi nói : « Nếu chịu như thế, thì chỉ một lời là xong việc ». Nói rồi, mở cửa ra đi. Độ nửa giờ, hãy dẫn một bọn vài người đến ; trong có một người, khăn vấn áo đẹp, chào hỏi lễ phép rồi nhìn chồng chọc vào Thúy-Kiều, ngảnh lại bảo mẹ mỗi rằng : « Quả nhiên là con

cái tuyệt-sắc ». Lại hỏi : « Có em
biết những là gì ? » Mụ mồi
đáp : « Thi, từ, ca, phú, nghề gì
cũng hay, lại gởi về hồ - ầm ».
Người Ký nói : « Tôi có một cái
quạt, xin cô một bà thơ » Vừa nói
vừa cầm quạt đưa cho mụ mồi, mụ
mồi đưa lại T úy-K ầu. Thúy-K ầu
nói : « Xin ra đầu bài và cho làm
vần gì ? » Người Ký nói : « Đầu
bài là *vịnh chum minh cưu mùa
xuân*, lấy vần *Dương* ». Thúy -
K ầu không cần nghĩ ngợi, cầm
bút viết luôn một bài thơ như sau
này :

*Hồng phong suy nổi chí.
Bách thảo mỹ xuân dương,
Hà sự cầu hoàn vũ ?
Hoa thần dục tẩy trang.*

Ngĩa là: « Gi đông thời hơi ấm áp đưa lại, rằm hoa cỏ đều tốt đẹp khi đương mùa xuân Việc gì cần m nh-cư lại kêu mưa ? Có lẽ Hoa-bã muốn ấy nước để rửa trang-dã chẳng ».

Đồ xen , gạo ch) mụ mồi. Mụ mồi đưa cho người ấy. Người ấy nói rằng : « Thơ hay lắm. Còn hồ-
cầm thế nào ? xin cho nghe một khúc ». Thúy Kiều đang nóng ruột cứu cha và em, nhưng không dám

lộ cái thái - độ ấy ra lấy hổ - cừu
gây một thú : là *Hồng-nhan* oán-
thị : ông đàn ai-cán thổ-thảm, như
hạc khóc nhà thu, như vườn kẻo
hang tối : a nghe cũng rõ nước
mắt. Người ấy nói rằng : « Quả
nhiên tuyệt-kỹ. Nhưng tời sinh-lẽ
nhều ít thế nào ? » mụ mới nói :
« Cô ấy cốt cứu cha và em, thì
không đủ năm trăm lạng không
xong việc » Người ấy nói : « sinh-
lẽ quá nhều chỉ có ba trăm lạng
thôi ». Thủy-Kiều nói : « Bán mình
mà không xong việc, thì bán mình
có ích gì ? » Người ấy nói : « Thế
thì tôi xin đưa bốn trăm ». Thủy -
Kiều nói : « Không đủ năm trăm
không xong ». Người ấy bằng lòng
năm trăm lạng, rồi hỏi : « Thế bây
giờ ai ký giấy ? » Thủy-Kiều nói :
« Việc ấy có cha tôi đứng chủ-
trương ». Véra nói vừa ngảnh lại
mụ mới mà bảo rằng : « phải bà
đến nhà C ung công, mời cha tôi
và em tôi về, đủ mặt giao tiền. Tôi
chờ chờ cha tôi và em tôi thoát nạn
tôi tôi đi tha hương ngoại phủ, mà
có chót chạng cam tâm ». Mụ mới
đáp : « Cô nói phải đấy. Để sáng
mai tôi cùng lịnh - lịnh lịnh - đi
Chung-công, đến tối cả làm giấy

cho xong ». Nói rồi, mẹ mới cùng người ấy đi. Thủy - Kiều bảo mẹ rằng : « mẹ nên chờ sửa soạn cơm nước, mang lại cho cha và em gái, rồi mới cả Chung công đến sáng mai cùng về. Thân mệnh con dồn ở trong tay hẳn ». Vương - bà nghe lời, đem cơm nước đi việc ấy hãy tạm gác.

Nay nói: Thủy-Kiều như ngày như đại, đợi mãi đến năm - rằm rằm, không thấy mẹ về, lấy làm buồn lắm, gọi Thủy-Vân đến nói rằng: « Mày ơi! sao đến bây giờ mà mẹ chưa về? Có lẽ đêm nay mẹ ngủ ở đâu ấy chăng? Chúng ta đi ngủ đi ». Nói xong, thân thể mỗi-một, tâm-thần tối-tăm, nằm ở trên giường, để cả áo mà ngủ... Chợt thấy Kim-Trọng ở ngoài đi vào, Thủy-Kiều vội vàng nói rằng: « chàng về đây may lắm, nếu đến ngày mai, thân thếp đã về người khác rồi! » Kim-Trọng hỏi: « Tại sao mắc nạn ấy? » Thủy-Kiều đem những duyên-do mắc nạn và sự-thể hán mình, kể rõ đầu đuôi. Kim-Trọng nói: « Tôi cũng ghì đi, nghe nàng mắc nạn, cho đến đến thăm. Nếu ba trăm lạng mà xong việc, tôi sẽ cố sức ». Được một lúc, bọn công-sai đem cha và em Thủy-Kiều về, ngồi dậy nhà, hỏi số tiền. Kim-Trọng đứng dậy, nói: « Thủy-Kiều là vợ tôi; vì tôi đi vắng, nên xảy ra việc này. Nay tôi đã về đây, ba trăm lạng tôi xin đưa. Việc gì mà phải đi xa? ». Nói xong, lấy bạc đặt ở trên bàn. Chung-công sai làm giấy lĩnh số tiền ấy, tha cha và em Thủy-Kiều về. Người ấy nói: « Tôi phải mất bao nhiêu công phu, mới tìm được

mén này, nay lại tranh mất! Dù mấy nghìn mấy trăm tôi cũng có, không để cho hắn đem đi » Kim-Trọng giận lắm, cãi rằng: « Người nói như thế, sai hết. Nào ai viết giấy bán cho nhà người, ai làm mối ai làm chứng? Người gọi cả đến đây xem nào! » Người ấy xem chừng bực lý, đứng giầy chạy mất... Thủy-Kiều đứng dậy, lay cha mẹ bực lay, xin chọn ngày thành hôn. Dân sáo nhã nhạc, đưa vào đông-phòng, chợt thấy bắt người và một bọn hung đồ sáo vào đông-phòng bắt Thủy-Kiều đem đi. Một sau Kim-Trọng cho người đuổi theo bắt bọn ấy, cướp Thủy-Kiều đặt lên mình ngựa, miệng hét to, tay cầm roi quất: ngựa chạy như bay, không thấy bóng người. Thủy-Kiều hỏi: « ngựa chạy nhanh như thế, chàng làm thế nào lên được? Đợ đi đưa một cành cây, chàng nắm lấy một đầu mà lên ». Nói rồi, cầm một cái gậy đưa cho Kim-Trọng Kim-Trọng cựa kịp cầm thì đã rơi xuống đất. Ngựa lại cựa nhanh như bay, Thủy-Kiều toan nhảy xuống, bèn thấy có người hét lên rằng: « Không được, không được! Không phải là đất bằng đâu! Đây là một đồng lửa đang cháy rất dữ, ngựa bốc lên cao hàng muôn trượng! Cả một tòa cây kia, toan là lửa hết! » Thủy-Kiều giật mình, hồn bay phách tán... Tự-nhiên ở trên cây rơi xuống một cục lửa to bằng cái đầu, lướt qua mặt Thủy-Kiều. Thủy-Kiều hồn to lớn: « Chết tôi rồi! » Giật mình, tỉnh dậy, té ra giấc mộng! Chỉ thấy ngọn đèn lơ lơ, nhà xanh

nhà đỏ! Nước mắt lại chảy quanh: nào chàng Kim đâu? Chợt thấy Thủy-Vân nằm ngủ bên cạnh, bèn thở dài nói rằng: Mộng này là mộng xấu. Cái đời mình rồi kết-quả cũng như thế! Chàng Kim ơi! Chàng Kim ơi! thếp với chàng thật là vô duyên! Rồi khêu đèn viết tám bài thơ, để là Kinh mộng giác, « Giật mình tỉnh mộng » như sau này:

1) Kinh mộng giác, thềm mao thiết mã đao (diệu); thấy hỏa bất tri hà xứ giả? dĩ lân đao miếu đảo kiên - diệu, nghĩa là: « Giật mình tỉnh mộng, ngựa sắt ở trong mái ranh chạy đi; nào biết nước lửa ở đâu? Ngọn đèn đã tàn mà cảnh cũng đã gãy! »

2) Kinh mộng giác, ngó thê ngưng khay trúc; lạc quang minh diệt, thức hãm sả, hà tằng chiếu kiến tàn trang thức.

« Giật mình tỉnh mộng, thấy con dơi ngồi góc dóm đèn; bóng sáng đèn tắt, tự nhiên như sả, sao từng soi thấy bỏ tàn trang ».

3) Kinh mộng giác, giấc cồ thanh bi tráng; khả liên hồng phấn khứ hà chi? nhất độ tư lương nhất độ trường,

« Giật mình tỉnh mộng, tiếng trống canh nghe rất bi-ai mạnh mẽ! Đáng thương cho bọn hồng-phấn bỏ đi đâu? một hồi ngủ ngon, lại một hồi buồn ngủ! »

4) Kinh mộng giác, Sấm hoán hễ Đâu chuyển đảo; kim dạ thê lương chí, tá linh, lai triêu phán thả thiên nhai diệu,

« Giật mình tỉnh mộng, Sấm Sấm mọc ngang, Sấm Đâu đã quay đảo,

(Xem tập trong 14)

HA - THANH NHÂM - NGỌ LỤC

(Tiếp theo trang 7)

Quan hầu ra : dạ, dạ.

Quan thượng võ đi vừa ca :

Bách chiến gian quan nặng nhất tử,
Nhất hòa có tức tiện quyền sinh,
Thiên-dương hữu lộ thắng quân-tử,
Đế khuyết vô do kiên lão thành (7).

Nói : đây đã đến miếu trung liệt, đệ lễ vào ta bái yết tướng công.

Bái và khóc nói : Nhân viên diêm hình tại, trông miếu môn còn tướng thấy trung can. Thế sự thiên vạn nan gánh trung nghĩa có sẽ cùng a được. Này (8) thân cho nước đã đành rằng kẻ trước người sau, trông giảng sơn rượt quận lòng đau, nghĩ tiên-triết lại càng thêm bối rối. Giờ gặp lúc vãn lời chi hội, vắng triết nhân biết hỏi cùng ai ?

Thượng quan vào, thông ngôn ra ca :

Ký thác thử thân du nghị-ch-lữ
Hoàn dương thay thế tựa công danh (9).

Xưng danh : Cần khải (10) đi manh, lãng-sa du khách, chẳng dĩa chỉ thông-sự hai nước là ta ; theo « cập tên » từ thuở định thành ; trải gian hiểm mới nên thân thế, đường danh lợi bốn bề ra thế, nhưng mà cũng thỏa chí la bà, bạc hoa xoe thêm kẻ đã « da na » hể « bia dất » (11) chẳng khỏi tay ta la mat (12) để mỗ kẻ cho ngựa một lượt, kẻ từ Quý diệu chỉ thu, dẫn quan tây ra tới thành đô, việc lý lộ là công ta tuốt cả. Cầm ma lách (13) kiếm lối ta đi hạ chiến thư.

Ca : chơi cho thỏa chí la bà,

Quả giờ cho đó, da na sấu rồi.

Chợt bóng nó nở trên trời,

Đor tay bỏ lấy ta chơi rầy vườn.

Đon cửa thành : ai canh trong ấy, ta thông-sự ở ngoa đồn thủy, có thư này gửi lại các quan,

Linh canh đệ thư trình rằng : dạ, có thư đến hủy trình quan lớn mấy lại các quan.

Quan thượng mở thư, sam nói : thế sự thiên vạn nan cơ sự này vẫn biết mần ra ráng đó, ở, quân này cũng gan tẻ, quân này cũng giỏi tẻ. Nào

phen này tao quyết ra uy. Trở bay dẫu, kíp kíp đi mời các quan hội đồng cho chống nhè.

Linh nói : dạ, dạ.

An sát ra nói : Kim chỉ nhật lộ, phi thạch phong thanh. Tôn Thất Bá tới lĩnh niết Hà - thành, việc án kiện thực là khó lắm, lo việc nước vướn một lòng chăm chăm, mời ơn vua thừa pháp (14) lĩnh Hà, đó cũng phần hoa, thôi cũng thỏa chí, xướng ca vi lạc, nào liab tuần sắp vồng đảo gươm bạc, để qua đuh quan bố ra chơi.

Vừa đi vừa ca : lầu ca quân, viện thu thiên, khỏi trăm lang các (15) gió lên thủy đình,

Cỏ cây đưa đón dập dình,

Gang sơn khỏa cũng thực xinh xinh là.

Quan án vào ; quan bố ra, ca :

Tam phẩm y bào quan lộ dấy,

Lục tuần m mấn sĩ ban cao.

nói : binh lý h thôn cao, Long thành địa tĩnh,

Trải mấy thu tự Hà-thành bố chính ;

may cũng được sự giải chính khoan,

Môn quan vô ư bận nhật nhàn.

Đon nhà khá h ta ra ngó cảnh.

Quan bố ngồi, quan án vào, nói :

Dạ, bữa nay cũng tau trồn mệnh,

Xin quan lớn để qua chơi dễn-thủy,

Nghê Hải-phồn, quan sáu mới lên.

Quan bố nói : mời quan ngồi, rồi bay sang qua đình quan văn-phủ, mời người để qua ta cùng ở Trường nhè, nói quan ăn cũng sang đó nhè.

Quan tuần ra, ca :

Thiên thủy vũ-lộ y bào nhuận,

Địa tếp giai ch thảo mệc hoa (16)

Xưng danh : địa hữu kỳ ba,

viện cao đường thụ, (17)

Trải mấy thu tự Hà-Ninh tuần phủ,

may bây giờ được lúc thiêu ninh,

Sắp vồng lọng a sang chơi quan bố.

Vừa đi vừa ca : ơn vua là đứng danh thần,

Đầy đầy lọc nước, đắm nhuần thiên âm.

Rạng minh là vẻ đại can,

Thề Lân nhờ đó thành quân trên đầu.

Quan bố ngồi, nói : mời quan lớn ngồi, trể

bay dân vát mấy mảnh nhà trù, dời huyện Thọ vô
ta nghe hát.

Một á đào, một quân ca vào, bên đánh đàn.
bên hát nghêu ngao, bỗng có người vào báo:
gình đồn thủy thò dăng có việc,
Xin các quan hiệp nghị cho mau,

Quan án nói: có việc chi dàu? Có việc chi dàu?
hay là ai có kẻ cầu chi đồ tá?
Nghe Phủ-lý với Thanh-trì còn chưa xong giả,
Việc này phải trầu trắng (18) mới xong.
Xin các quan cùng tới hội đồng
Ai có chạy, ta hãy cho bện-nhiếp.

Đề đốc ra nói: thế oanh lời điện, uy nhược
phong đình Ta, đề đốc, tên gọi Lô - Chính.
Nghề thao lược kể ra thực giỏi,
may được lúc rồng mây gặp hội.
tại ơn vua ban ấn nguyên nhung.
trải mấy phen trúc-hồ sa-long,
báo nghị h dăng về tay ta nã hết,
mào thập bâu dôi các chánh phó lãnh binh
tới đây cho tốt, để theo ta vô quan thượng hội-dồng.

Bọn võ-quan cùng ca: qua giáp liền thiên,
vạn ý tán long phi chi tuyết, cồ hồ động địa tam
xuân bản cấp chiến chi lôi (19).

Đến đình quan Thượng, đề-dốc nói: dạ,
có việc chi? dò các quan tôi đã vô hiệp nghị.

Quan Thượng nói: Mời các quan ngồi, bữa
qua con-thúy, tư-tây lên, ra ý bồi hòa, ở quân
mày ta quyết không tha, xin các quan chính binh
mã rồi ra ta đánh.

Quan Tuân nói: chớ, chớ vì chiều mệnh,
bữa nam xưa đã có chỉ hóa, vì háy gở sinh sự
tại ta, nay quốc thi tựm là bất tuyền. Lữ tôi sẽ
kiến, còn non chăng tùy ý các quan?

Quan bố nói: dám bẩm các quan, quan tuân
mới nhận là phai, xin các quan ta nghị hòa mà
đừng nghị chiến.

Quan án nói: Vua sai tôi chỉ một nghề xử
liệu,

Ấm sát dân có biết việc binh.
Quan lớn trù có muốn hưng binh,
Việc ấy đã quan đồ với quan bố chính.

Việc dân có đồ, tôi xin về cứu an cho xong.
Hễ mai kia bày tiệc thưởng công,
Bắt được giặc thời phần tôi kết ân.

Quan Thượng nổi giận nói: nói nghe quá
ngán, nói nghe quá ngán! việc quân cơ đã phải hội
đồng,

Ngài phải ở mà tính cho xong,
Toa ăn trái mần rắng cho dặng.
Còn quan đồ nghị đồ mần rắng?

Quan đề nói: dạ, nó đã ra chừng bội nóc,
Quan lớn ch. g (tôi mần đánh,
Quan lớn tước ở trong thành coi binh,
Tôi xin ra ngoài cho tuyền sấm phòng.

Quan đề dưng dạy ra, các quan cùng ra
cửa Quan Thượng nói: dôi cử Dũng, cử Long
tới lập tức cho ta hội đồ.

Người hầu: dạ, dạ.
nói: Vào anh cử Dũng cử Long,
Tới lập tức lệnh quan nghị dôi đồ.

(Còn nữa)
DƯƠNG TỰ QUÂN

7 Diệt nôm:
Thần thiên đi ngựi trăm trận đấu,
Sống thừa giết kỹ một cái hòa.
Nhà giờ có lối lên quán-tả,
Đưa thanh khí 19 dân thấy tướng giả.

8) Ủy liên
9) Diên:
Ra dơi kéo lưạ theo thời,
Quan sang lộc trọng nhà rồi đến tay.

10) Cửa Cầm-giờ
11) Là do chữ pirate: giặc.
12) Là do chữ la marche là đi đánh.
13) Bớt chữ camarade là anh bạn.
14) Khuyết
15) gac mát
16) nghĩa: trời giáng mưa mồm cái đại đẹp,
đất dặt phở phường giống má tươi.
17) dất có hoa lự, chỗ viển có cây cam đường
18) là nân bạc.

19) giáo và áo giáp đầy giờ, mồn dăm lung dăm
lưỡi rồng bay, chông nhơn nhô động dất, ba quân
vang tiếng sấm sấm dặt

Hạnh Thục Ca

của NGUYỄN THỊ BÍCH

Số 9

Ung-hoà NGUYỄN-VAN-TỐ

Việc tôn vừa mới thành thôi,
Thị oai Tây lại trở bài mạn khinh.
Khiến mau đẹp sùng trên thành,
Với nơi Mang-cá, tận hành ban di (1).
Nếu mà chấp nhất (2) chẳng nghe,
Gây ra hấn-khích (3) chín, e nan trì (4),
Hiếp lẫn, Tây đã chẳng vì,
Chọc gùn, Tôn-Thuyết khiến-cơ quyết rày.
Huống chi địa chấn (5) diêm bầy,
Trời đã khiến vậy ta nay sợ gì? (6)
Phen nay phần lực đương uy,
Truyền quân cơm gạo, sẵn đi sẵn sàng. (7)
Văn-Tường khôn nổi khuyến can,
Nghĩ làm lời dụ xin ban giải hòa
Dụ rằng: « Ai nhện chăng là,
« Ý lời ngỏ dặng thuận hòa mới an.
« Bằng còn ý thể quá ngang,
« Thì ta sẽ liệu quyết đàng hơn thua ».
Ấn cần dụ chỉ phần phổ
Vắng nghe tạm hãy để cho yên rày.
Rừng lo e việc chẳng may,
Đất bằng sông dậy có ngày tai ương.
Viễn-đồ trước mới liệu phương,
Lập nơi Táo-sở, tỉnh đường vững chân.
Bao nhiêu bảo vật kim-ngân,
Thất vào đầy gánh, dần dần đem đi.
Chín là thặng một cơ nghi,
Việc làm, rồi mới tấu tri Thán-hà-lừ.
Dụ: « Nay nhà-nước gian nguy,
« Cũng nhờ phụ-chính trước vì lo toan,
« Sao cho xã-tắc diện an (8),
« Ấy là chẳng phụ Tiên-hoàng thâu có (9).
« Rồi rằng: « Mết sức mưu lo,
« Biến thông tùy thế, hãy dò lần theo.

« Bằng nay rất đổi cheo-lao,
« Chống xe, tay chấu, nghĩ diêm chắc chí ».
Nhấn (những) lo bàn bạc cơ nghi,
Tháng năm mười chín, Bắc-kỳ Tây vô.
Tin truyền trước dọn lộ-đò,
Lại cùng nhặt-hến, chực dò sứa sang.
Rằng: « Nay tới yết quân-vương,
« Đem thư tọng hảo ngộ tường giao lân »
Tới nơi sứ quán dừng chân,
Mời hai phụ-chính đến phần sự tình.
Văn-Tường trước đến một mình,
Trình rằng « Tôn-Thuyết chưa lành bệnh nay ».
Nghe lời ấy đó đã hay.
Rằng « Đau phải gắng tới rày mới nghe.
« Nếu mà cự cưỡng không đi,
« Quyết rày bắt quách, chẳng vì chẳng tha ».
Cả triều kinh hãi lo ba,
Nay mà chẳng thuận, đờ ra sự rày.
Cùng nhau kịp tới khuyến nay (nài),
Xin vì nhà nước dặng may khỏi nghèo.
Khuyến can chúng thấy hết điều,
Cất thăm, Tôn-Thuyết dậy liền nửa đêm.
Phen này may rủi thử xem,
Đã đành quyết thâm đánh vậy.
Chẳng cho ai biết ai hay (10),
Cũng chẳng tâu-đạt một tay thiện-hành.
Chiến công đều Phần-nghĩa-bình,
Chỉ dùng nhấn (những) phúc tám mình
mà thôi.
Chắc chi bề nạng (11) chống trời,
Hay là làm chước thoát nơi lửa thành.
Hay làm bất-ý rình canh?
Hoặc là may dặng công thành tén-cơ.
Thất kinh ai nấy hồn phi,

Đem khuya nào biết sự vì làm sao.
 Quanh-co họ-hải cùng nhau,
 Lệnh truyền gác cửa, hỏi mau cho tường.
 Giờ lâu mới thấy gửi sang,
 Rằng: « Nguyên ở đó thì eường bản lén,
 « Ta nay không lý diêm-nhiên,
 « Phải loon cụ-dịch hư nên nhờ trời ».
 Âm ồm tiếng súng khắp nơi,
 Khói ùn mù đất, lửa ngời loè mây.
 Canh tư thảng phạ chưa hay,
 Canh năm nghe báo rất may mừng lòng.
 Binh-dài thu phục đã xong,
 Lửa Táy đang đốt, lửa chong bốn bề.
 Phen này Táy át phải về (12),
 Ngửa nẻo trời đất phù trì lăm thắp.
 Nói cười chưa kịp dơ tay,
 Phút liền sáng nổ đạn bay kinh hồn.
 Ấi ngờ Táy rất quá khôn,
 Để ta bắn trước, thấy luôn nép đi.
 Ở ta dai chẳng biết cơ,
 Nhấn mà (đến khi) hết sức dương nư bắn dồn.
 Liệu chừng thuốc đạn đã mòn,
 Dậy lên Táy mới thành-món bắn vào:
 Dường như sấm sét âm-ào,
 Dẫu là núi cũng phải nao hướng thành!
 Quân-ta khôn sức đũa tranh,
 Đem nhau trốn chạy tan-tánh bèo trôi.
 Bấy giờ trời đã sáng rồi,
 Văn-Tường liền khiến gửi lời lâu chín.
 Khiêm-cung nay phải ugr liền,
 Lánh nơi pháo đạn chẳng nên trở trảng.
 Vua tới hoảng-hốt vội vàng,
 Hồ (13) phò thánh-giá một đoàn kíp ra.
 Tới nơi cửa hẻm xem qua,
 Hai bên lá-tấu, (14) trẻ già quá đông.
 Chen nhau dĩa-dắt mang bông,
 Chực theo Táy-giá (15) thoát vòng nguy gian.

Việc tấn - tôn hoàng - thái - hậu vừa xong,
 người Tây lại cậy oai - quyền trở những thói
 khinh - rẽ ngạo - mạn, bao nhiêu súng ống ở
 trên thành và ở Hạng - cá bắt đem ngay đi hết.
 Nếu mà cố-trấp không nghe, thế tất sinh ra hiềm-
 khích, khó lòng giữ nổi. Người Tây đã không kiêng

nổi gì, cứ lăm hiếp mãi, Tôn thất Thuýt lại trên gác
 chốc tét, gây ra chiến - tranh Huống chỉ lại sinh
 ra những đăm xối như nạn động đất: thế là trời
 đã bắt phải như vậy, thì ta còn sợ gì? Phen này cố
 sức ra oai, truyền cho quân lĩnh đem lương ăn
 đi tản sàng. Lúc bấy giờ Nguyễn-văn-Tường cũng
 không can nõi, mới nghĩ sẵn lời « dụ chỉ » rồi xin
 vua ban chiếu giải hòa. Dụ chỉ rằng: « Ai lại
 nhện được những ở chi lăm hiếp ấy, nhưng các
 người phải y lời đề cho được hòa thuận thì mới
 yên. Nếu mà người Tây còn ý thế làm những đố
 ngang trái quá, thì lúc ấy ta sẽ quyết một trận
 hơn thua ». Lời dụ chỉ ăn cần rành mạch, nên
 đình-thần cũng phải nghe đề cho tạm yên. Nhưng
 chỉ lo riêng rằng sợ việc không may, như đất
 hằng mà sóng dậy, thì có ngay bị tai họa, nên
 mới liệu đường lo xa, lập nơi Tàu - sở để tính
 đường vãng chơn. Bao nhiêu của cải vàng bạc
 chắt vào đầy gánh đem đi dần dần. Mưu cơ rất là
 cần-mậ, trong việc rộ, mới tàu lên thái-hậu bệ.
 Thái-hậu dụ củ rằng: « Nhà nước nay đang bị lúc
 gian - nguy phải nhờ phụ-chính lo toan trước đi,
 làm sao cho xã-tắc được yên, ấy là kuông phụ cái

- 1) Ban đi là dời đi chỗ khác
- 2) Chấp nhất là cố chấp không thay đổi.
- 3) Lăn khích là ý không hợp nhau.
- 4) Nan trì là khó chống giữ.
- 5) Địa chấn là động đất.
- 6) Phấn lực dương nư là cố sức dương nư.
- 7) Câu « Văn-Tường khôn nổi khuyển can », bản chữ năm của trường Bắc-cổ sao được, có phê một câu rằng: « Vị tất phi Văn-Tường dụng tâm » nghĩa « Chưa chắc đã không phải chỗ dụng-tâm của Nguyễn-văn-Tường »
- 8) Điện an là yên ổn.
- 9) Thạc cơ là gửi con bồ côi.
- 10) Câu « chẳng cho ai biết ai hay », bản năm phê & chữ nhỏ rằng: « Chuyển lòng quyền quá lắm »
- 11) Câu « Chắc chỉ bề nặng chống trời » bản năm phê & chữ « đích thị » nghĩa là « Chính thế ».
- 12) Câu « Phen này Táy át phải về », bản năm phê & chữ « khả tiem » nghĩa là « Đáng cười ».
- 13) Hồ nghĩa là theo sau, thường dùng vào nghĩa đi hầu Vua. Thánh-giá là mẹ vua hoặc mẹ vua.
- 14) Lá-tấu là dĩa đem dâng.
- 15) Táy giá là xe của p. q. vua.

tâm lòng của tiên-đế (Tự - đế) ủy - thác ». Đinh-tiên-tâu rằng: « Chúng tôi hết sức lo toan, phải tây-thời-tiểu mà biến thông, rồi hãy dò-la dần-dần. Hiện nay đương lúc chea-lao, cũng như châu-hầu chống xe có lấy gì làm chầy ». Vua tôi đang bàn-bạc cơ-mưu, thì Tây đã lấy Bắc-kỳ vào ngay 19 tháng 5 (năm 1884). Lại có tin truyền ra rằng dọn đường và sửa sang những bến đò, để cho sứ Tây vào yết-kiến vua ta, có đem quốc-tư và đồ tặng lễ, để hai nước giao-hữu. Sứ Tây tới nơi thì nghỉ ở sứ-quáo, mời hai phụ-nhân sang để đón tiếp, thì Nguyễn-văn-Tường đến một mình, nó rằng Tôn-thất-Thuyết bị bệnh chưa khỏi. Người Tây nghe vậy, dọa rằng: « Đau cũng phải gắng mà đến thì mới xong việc, nếu có ý chống cự không chịu đến, thì quyết là bắt cho được, chứ không vì thế nữa ». Cả triều-dinh lo sợ, nếu không nghe họ, tất là sinh sự rắc rối, mới cùng nhau vội vàng đến khuyên nài rằng: « Xin vì việc nước mà đến cho, may ra khỏi được họa nạn », khuyên can đủ cách hết đều. Tôn-thất-Thuyết định nửa đêm đi lễ nghi bưng rằng tôi ở xem mây rủi thế nào, đã đành rằng tam-trú rồi sẽ tìm cách giải vây. Một mình tự tiện làm chẳng cho ai biết mà cũng chẳng báo, chỉ điều khiển một đội quân Phấn nghĩa và mấy người tâm-phủ mà thôi. Chắc chỉ cái lối bỏ mạng chống trỗi, hay là cái kế lánh nạn cho khỏi va lăm, hay là lối đánh úp trong khi bất ngờ, lựa may thành công chăng. Ai ai cũng thất-kinh rụng rời, vì đêm khuya, nào biết sự gì xảy ra sao? Cùng nhau đợi chờ bất bái, có lệnh truyền gác cửa và hỏi xem dấu dòi thế nào? Đợi gờ lâu mới thấy, tân-rân: « Nguyễn ở đó thì hừng hân lên, không có lý tại lại đêm nhàn, phải ra tay chống với giặc, còn được hay thua thì nhờ trời ». Rồi thì sáng mờ mờ, khói bay mù đất, lửa cháy ngất trời. Canh tư thì chưa rõ bên nào được bên nào thua, đến canh năm thì nghe báo có tin mừng rằng: « Trần-bình-đãi đã lấy lại được Núi Tây đang đốt, lửa cháy cả bốn mặt ». Lại mới rằng: « Phoa nay Tây tất phải về, thật là nhờ trời đất phù-tri cho ». Nói nói cười cười chưa kịp trở tay, tự nhiên có sóng nổ, đạn bay rất kinh khủng, nghe dân người Tây rất khôn ngoan, để cho

ta bắn trước, họ chỉ nép đi một chỗ; quân ta đợi chẳng biết gì, tưởng thế là được, đem hết sức bình sinh ra thì vô dụng cái. Họ bắn chững thuốc đạn mìn đã hết, mới nổi lên bắn vào cửa thành. Đương tự nhiên như sét sấm sấm sấm, dù là nói cũng phải đề, huống chi là thành. Quân ta không đủ sức đua tranh, phải đem nhau trốn chạy tan tành như bèo trôi. Lúc bấy giờ trời đã sáng, Nguyễn-văn-Tường sai người vào tàu xin thái-tạo và vua nên phải lánh nơi pháo đài ngay, chứ không nên chậm trễ. Vua tôi vừa hoảng hốt vừa vội vàng, kẻ hầu người tớ một đoàn lũ cùng tẩu-tẩu đi ra. Tôi cửa lầu ngó lại xem, thì hai bên đường như già nào trở đồng quạ, kẻ mang người dắt, kẻ ôm người bồng, chạy theo xe nhà vua đi lánh nạn.

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tài liệu để đính chính...

(Tiếp theo trang 9)

đêm nay vắng vẻ chỉ thấy hốc sao, sớm mai đã chia tay thui-thủi ở chân trời.

5) Kinh mộng giác, trúc tiên phong bãi thác; nhiệm nhiệm y y tự A - Nùng, phiêu phiêu đẳng đẳng vô trước lạc,

« Giật mình tỉnh mộng, gió lay ngọn trúc lung lay, tiên-tử ở thờ-tấn tựa A - Nùng, trôi trôi giạt giạt không bầu vủa l »

6) Kinh mộng giác, tử-qui đề dạ bán, huyết lệ trình nhân thói xuất môn, bất tri qui khứ hà tu hoán ?

« Giật mình tỉnh mộng, Chim tử-qui kêu nửa đêm, nước mắt của kẻ trình-nhân giọt ra cửa, không biết ngày nào về, tại gọi làm gì ? »

7) Kinh mộng giác, điều đề tán nguyệt lạc, thiên hôn địa ám cầu trầm thắm, lệ lãnh phong thế nhân ịch-mịch (mặc),

« Giật mình tỉnh mộng, chim kêu mặt trăng tàn rụng xuống, trời đất tối tăm lòng sầu thắm, sương gió lạnh lùng người vắng vẻ ».

Phong trào chính-trị

(Tiếp theo trang 2)

Ngày 19-3-45 cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Chớp nhoáng không kém gì trong mấy ngày dân Việt Nam đã làm được 2 cuộc cách mạng lớn lao nhất.

1.) Cách mạng dân tộc giải phóng đánh đổ chế độ thực dân, để đi đến chế hoàn toàn độc lập.

2.) Cách mạng nhân dân (lật đổ cái chế phong kiến xuống để thực hiện toàn dân chính trị).

Về cuộc cách mạng giải phóng, chúng ta đã phải chiến đấu với quân Nhật, và quân Pháp.

Về cuộc cách mạng nhân dân, thì ngọn cờ cách mạng mới giờ lên; khâm sai đã từ chức Hoàng đế thoái vị, nội các giải ngũ và các địa phương các hàng quan liêu thì nhao rời như sung rụng.

3. Kinh mệnh giác lòng thanh
đề tác đạo, nhi biến tự tổ
tương tư diệu, tâm thượng nghĩ
vấn oán hận cao.

«Giật mình tỉnh mộng, tiếng
thông reo thấp như tiếng sóng,
bên ta nghe như kêu gào diệu
tương-tư, trong lòng lại ngỡ rằng
khúc oán-hận cao».

Thúy-Kiên viết xong, không đi
ngủ nữa, chỉ khóc mà thôi. Về
sau thế nào, xem hồi tiếp theo
(Lược dịch theo Kim-vân-Kiểm-
truyện của Thanh-tâm tại-nhân,
bản sao trường Bắc-cổ số A953, tờ
định đến 47a)

Ông-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Thực là một cuộc cách mạng
không tiền khoáng hậu. Một
cuộc cách mạng văn minh
nhất không những do sự giác
ngộ của phái cách mạng mà
do cả sự giác ngộ của đối
phương, cho đến cái người cũ
nhất trong chế độ cũ, người
phong kiến nhất trong chế độ
phong kiến cũng gia nhập hàng
ngũ cách mạng đúng như câu:

«Lấy cần cù mà đánh giặc»
Chính nghĩa đã thắng được
hung tàn và chỉ nhân loại
chờ cường bạo».

Còn cuộc tổng đầu phiên nào
sắc thực và hùng biện hơn để
cho giới, cho đất, cho nhân loại,
cho thế giới, cho cò kìm và hậu
thế biết rằng cái dân tộc này
nhiệt liệt muốn độc lập và giữ
lấy chính quyền mà cuộc cách
mạng nhân dân của ta là do sự
thỏa thuận đồng tình của toàn
quốc nhân dân, chứ không phải
do một sức mạnh nào đưa đến.
Đi xem những cuộc cách mạng
Pháp, Nga, Tàu, chúng ta có thể
tự hào là đã văn minh và giác
ngộ hơn.

Nền độc của chúng ta vừa được
nền lên thì này đây con gà cất
tiếng — cái chế độ thực dân ở
Nam bộ — lại cố cựa lấy một
lần nữa. Lần này sức nó đã tàn
rối, song nó cố dựa vào cái thế
lực sắp tàn của phái bộ
thực dân Anh để đập một cái
kheảng không, như chó sủa giăng
khí dèm vắng.

Đồng bào hãy đứng cả lên,
đập cho chết hẳn, cái chế độ
thực dân. Lần này nó không

BẢO MỚI

— KHÁNG DIỆP — cơ quan
tuyên truyền của Việt-Minh —
Nghệ-An: mỗi số 0 \$ 80

— QUYẾT CHIẾN — Thanh hóa

— CHIẾN ĐẤU ở Thanh-Hóa.

TƯƠNG LAI ở Hanoi.

— QUÊ HƯƠNG ở Huế.

— DÂN QUYỀN ở Hanoi.

— DÂN SINH tuần báo ra ngày
thứ bảy, — chủ nhiệm: Dương-v.-
Mẫn Tòa báo: 72. Phố Lê Đức
Hanoi — mỗi số 1 \$ 00

Xin giới thiệu với các bạn đọc
mấy tờ báo mới và xin cổ lờ chào
mừng các bạn đồng nghiệp mới.

TRI TÂN

đủ điều kiện, như với quân
Nhật dân. Với phát sít Nhật
ta còn đập được thì nay quét
nốt cuơ nó chết ngấm để nó
không tái hiện được nữa bằng
bất cứ cách nào! Và đồng bào
hãy coi chừng, thấy nó hoĩ
báo hiện nơi đâu, cũng phải
bóp ngay cho tắt thở. Những
bình thức xuất hiện của nó, ta
đã nhận thấy trong những giai
đoạn Pháp Nhật thuộc vừa qua.

Cái luật tiền định của lịch sử
đã đến kỳ thực hiện rồi. Chúng
ta đi theo cái luật ấy chúng ta
phải thắng.

Thất bại đã in vào trán
những quân di ngược lại, trào
lưu, đã khoét đến đâu, kuổ đến
như phát sít Đức Nhật cũng
không bơi ngược được dòng
lịch sử.

KIỆT XƯƠNG

BÀN GÓP VÀO VIỆC THẢO HIẾN PHÁP

TRÚC-KHÊ

Sau khi phá tan được xiềng xích ngoại thuộc, sau khi lật đổ được chính thể quân chủ, Chính phủ Dân chủ Cộng hòa đã thành lập với sự hoan hô nhiệt liệt của dân chúng Việt Nam. Vừa nắm được chính quyền vào tay, buổi đầu kiểu thiết, quốc gia còn có biết bao nhiêu công việc bề bộn rộn ràng, nhưng Chính phủ đã nghĩ ngay đến việc khởi thảo một bản hiến-pháp là căn bản nền chính trị của một nước dân chủ. Vì thế mà một hội đồng khởi-thảo hiến-pháp đã thành lập tại kinh đô mới. Những người sung vào hội-dồng này, dĩ nhiên phải có đủ những tri thức về chính trị, để làm cái việc trọng đại ấy của quốc gia này thâu. Tuy nhiên, hắc bản hội đồng cũng sẵn sàng thu nạp những ý kiến của mọi người trong nước đối với việc thảo định hiến pháp, có như thế thì hiến pháp thảo ra nó càng được đúng hợp với dân nguyện hơn. Nay tôi xin lấy tư cách một người trong quốc dân, có những ý nghĩ gì về việc thảo định hiến-pháp, xin đem bàn góp ra đây, để hoặc có thể giúp ích cho công việc ấy trong muôn một.

*Nghị hội xin chỉ đặt một viện
Nghị-viện các nước phần*

hiều có hai, như Thượng-nghị-viện, Hạ-nghị-viện, hay Quý-tộc-viện, Thứ-dân-viện. Song xét ra đặt ra hai viện như thế, không có ích gì mà chỉ thêm nát chuyện mỗi một nghị án. Hạ viện đã quyết định rồi, lại phải đưa lên Thượng-viện để xin thông quá, thường dènh đang hao phí thì giờ vô ích mà có khi lỡ cả công việc. Không những vậy, lại còn đề một khoản tiền phí cho ngân sách hằng năm. Chi bằng chỉ cứ đặt một viện, thiết tưởng cũng đã đủ để làm việc rồi. Xét ra những nước người ta đặt ra hai viện, một khi họ là nước quân chủ, vua với dân tranh quyền nhau, cho nên vua riêng đặt ra viện Quý-tộc để chống với viện Thứ dân. hai thì họ là nước liên bang, mỗi bang đều riêng có chủ quyền, cho nên ngoài cái viện cùng nghị là đại biểu của quốc dân, lại đặt ra viện Tham-nghị để họp những đại biểu của các bang nữa. Nhưng ở nước dân chủ cộng-hòa của mình ngày nay, xét ra không cần phải đặt ra hai viện như vậy.

*Các cơ quan hành chính
không đặt trưởng quan.*

Chính-phủ Dân-chủ Cộng-hòa thành lập, đã bãi bỏ hết những

trưởng-quan ở các cơ quan hành chính mà đặt ra chế độ uỷ-viên. Chế độ ấy rất hay, xin cứ giữ mãi như thế này, không bao giờ lại đặt những chức trưởng-quan như trước nữa. Không những ở tỉnh phủ huyện không đặt trưởng-quan, cứ giữ chế độ uỷ-viên như hiện tại, mà ngay cái cơ quan hành chính tối cao ở trong nước là chính-phủ, cũng xin bắt tất phải đặt chức Tổng-thống làm gì. Dân mình mấy nghìn năm nay, ai nấy mê đắm về cái vọng vua quan, đến nay cần phải gạt trừ cho sạch để đưa khoynh hướng của dân chúng vào một con đường sống chính đáng. Ngồi vua tuy đã bỏ rồi, nhưng nếu lại đặt chức Tổng-thống để làm nguyên thủ của nước, những người dân ngờ ngẩn, họ sẽ coi đó cũng tức là ông vua, chỉ khác là ông vua ấy không cha truyền con nối mà thôi. Nếu có người hỏi không đặt Tổng-thống thì trong một nước ai là người đứng đầu những khi trong nước cần phải có một người làm đầu? Xin thưa: Đã có viên uỷ trưởng trong cái ủy-ban nhân dân tối cao ở trong nước, tức là viên chủ-tịch chính-phủ như Hồ Chủ-tịch bây giờ vậy.

*Bỏ hết phủ châu để
lập làm huyện cả.*

Hiện giờ, bên dưới mỗi tỉnh, khu-vực chính-trị có những cái tên như phủ, huyện, châu, tuy tên khác nhau nhưng đối với tỉnh đều ở vào địa vị đồng đẳng chứ không như xưa phủ được kinh huyện, kinh châu nữa. Đã là đồng đẳng

thì sao không dùng một cái tên chung mà chỉ cho khỏi lộn xộn. vậy xin đổi gọi là huyện tất cả cho tiện.

Đất cát trong nước nên để làm của chung của nước.

Người ta bảo rằng chế độ tư hữu là cốt rễ của muôn tội ác. loài người cần nuôi nhau, đầm chém nhau, đều bởi ở đó mà ra cả. Thực vậy, nhất là tư hữu về đất cát càng là một sự vô lý lắm. Đất cát ở trong một nước, heo lẽ phải ra, nó phải là của chung vĩnh viễn của tất cả mọi người trong nước, ấy là chưa muốn nói rộng đất cát ở trên địa cầu phải là của chung của những người có mặt ở trên địa cầu. Chỉ có cách thế địa quốc hữu để cho tất cả mọi người trong nước đều được nhận lãnh một phần mà cấy giống lấy sống, mới có thể là công bằng được. Song từ đã bao nhiêu năm nay, người ta để cho đất cát trong nước thành ra của tư hữu, nay nhất dân sung công, chắc là chính phủ chưa muốn làm cho mất lòng dân như vậy, nhưng cũng cần phải định cách nào để thu lại dần dần, chẳng hạn như định một giá tiền để chính phủ mua lại ruộng đất của dân, khiến cho có một ngày rất gần, thế địa thành ra công hữu tốt.

Hạn chế số tài sản để lại cho người thừa kế

Không có cái gì làm hư hỏng nhân cách người ta bằng những cái di sản tiền rở (bóc lột). Thật vậy, nếu ta để ý nhận xét, sẽ thấy một phần lớn những con nhà giàu sẵn có của nhà cha mẹ để cho, đều thành ra một hạng phổ nhân ở trong xã hội.

Họ sản ở trong tay một cái sản nghiệp không phải tốn chút mồ hôi nước mắt gì mà có, họ tiêu dùng hư hoặc, họ sống cho cực thoải thoả về đời sống vật chất, để chỉ có kẻ suốt đời chỉ sống như con lợn. không cần biết làm một việc gì. Không làm lụng mà được ăn dùng lại ăn dùng một cách kiêu xa. thì họ còn có cái gì để công hòa như thế nữa không? Sở dĩ có sự bất công ấy, chỉ vì người ta đã không nghĩ đến sự hạn chế di sản. Nay, muốn cho xã hội không có cái hạ g phổ nhân ấy, muốn cho người trong xã hội ai đã có sống có ăn thì phải có làm, tưởng không gì hơn là hạn chế di sản. Phạm nhà hào phú khi mệnh một đi rồi được để của cho con có chừng mực, quá một cái số hạn nhất định nào đó thì của ấy phải đem sung công để làm những việc ích lợi công cộng cho xã hội quốc gia.

Phải quy định về quyền sinh-lão và quyền lao động của dân chúng

Người ta sinh ra, ai cũng có cái quyền được sống, vậy cái quyền ấy, phải được phép luật của quốc gia công nhận. Dưới chế độ thực dân, chế độ tư bản, người mình bao kẻ thật muốn sống mà không thể sống, cho nên đã phải chết đói chết rét, chết vì chết lấp ở đầu đường xó chợ trong khi người khác có vẻ số thóc tích tiền thừa. nay trong hiến pháp phải minh định về cái quyền sinh-lão này, như là mỗi người được theo cái nhu yếu về sự sống của mình, có thể thỉnh cầu những cái tư liệu kinh - tế vừa cho sự sống, như là những

kẻ vị thành niên, phải được hưởng sự giáo dục thuộc về nghĩa vụ của chính - phủ, như là những người tàn tật, già yếu, phải được hưởng sự cứu tế cho no ấm.

Đến cái quyền lao động là phẩm vị của người có năng lực làm việc mà bị thất nghiệp, có quyền thỉnh cầu với chính phủ cấp cho việc làm để lấy lương ăn.

Phải thừa nhận quyền tham chính của phụ nữ

Từ xưa đến nay, không chỉ ở nước ta mà ở cả nhiều nước khác quyền lợi của phụ nữ bị bóc lột sạch, hết tuỷ pháp luật, chính trị, kinh tế, đạo đức, giáo dục, phong tục, tập quán, đều lấy con trai làm trung tâm, người con gái không có chút địa vị gì. Nay chúng ta đã làm cách mệnh để đánh đuổi cường quyền, mà trong hàng ngũ cách mệnh, phụ nữ nước ta cũng tham gia rất nhiều, vậy hiến pháp nước ta ngày nay sắp định ra, nhất định sẽ thừa nhận cái quyền tham chính của phụ nữ. Phụ nữ phải được tham chính để họ được hưởng đầy đủ quyền lợi như nam giới, không phải chỉ để đến cái công chiến đấu của họ, chính là để trả cho họ cái nhân quyền thêm phú tự nhiên.

Cực lực khuyến khích sự học chữ quốc-ngữ.

* Muốn làm cho sự khuyến khích này có hiệu quả, hiến pháp nên định sau một thời gian ấn định, sẽ trừ quyền bầu cử của những người dưới 60 tuổi mà không biết chữ quốc ngữ.

Đã xin đem mấy cái ý kiến thảo luận, bàn góp vào việc thảo luận pháp luật sau sẽ thêm ý kiến gì sẽ lại thưa báo.

TRÚC-KHÈ

KỊCH DÀI BẢNG THƠ

Yêu - Ly

(hay là « Yêu-Ly nương sức gió »)

LƯU-QUANG-THUẬN

Số 6

Yên Ly

Không, ta sẽ dùng mưu sang Khánh-kỵ.
Ta sẽ dùng đường kim đưa sợi chỉ:
Kể trả hàng ? ủa bày chước khôn sâu.

Ngô-hạp-Lư

Kể trả hàng ? Khánh-kỵ chờ ai đâu !
Ngô biết gã đa nghi tằng nổi tiếng,
Thêm mưu sĩ lòng sâu tợn đầy giống
Đừng mong chi lừa lỏ tới sang nơi.
Mà dẫn cho ta đến cạnh được người,
Vị-tất dĩ dĩ đạt thành mục-đích.
Khánh-kỵ vốn sợ muốn người khôn địch,
Một tay ứng xử-xích khố thiên-cân,
Bà sang nơi rồi họa-hở bất-thành...
Còn một nỗi không người dám đảm nhận.
Một sự mệnh nghèo khổ không giới-hạn.

Yên-Ly

Cho Ly đi, Ly sẽ giết tay thù,
Đem tài hồn Ly báo đáp ơn sâu

Ngô-hạp-Lư

Nghe lời nói tự can-trường như cũ,
Lòng tôi quá ngạc-nhân rung nước mắt.
Nhưng đi làm sao ? Mà xử-sự làm sao ?

Yên-Ly

Sợ Khánh kia đã đứng mảnh vụn nào
Quảng qua chỉ con người trên cõi thế
Người có thể thì đây Ly có thể
Đa thuốc gươm trổ nổi kẻ cừu-phân
Mình cho Ly hồn Khánh-kỵ đến gần,

Ly xin nguyện thi sức hồn một chuyến
Việc không thể như vó trời lấp biển.

Quán-Sư

Nhưng làm sao sang đây hỏi Yên-Ly

Yên-Ly

Ngài hỏi làm sao ? Cho đi thì đi.
Lòng đã muốn, ai là chân có cách.
Trăm ví dụ luận đời trong sử-sách

Quán-Sư

Nhưng
Làm thế nào Khánh-kỵ đẹp lòng nghi ?

Yên-Ly

Khờ nhọc-kẻ thì hành ngay nội nhật :
Vợ con tôi, Ngô hầu đem giết phứt,
(mọi người sững sờ)
Yên-Ly điềm nhiên nhắc lại :

Vợ-con tôi, Ngô-hầu đem giết phứt
Và thân tôi, chặt đứt cánh tay này.
Rồi một khi khờ nhọc-kẻ đã bày,
Dẫn thần-toán, Khánh kia liền làm-kế,
(Một chỗ im lặng)

Ngô-hạp-Lư

Nhưng Yên Khanh ơi, lòng Ngô đau nỡ để
Cho Yên-Khánh thân-thể hóa hư tàn,
Vì Ngô này mà cửa nát nhà tan
Và thơ tử rước làm ma chín suối !

Yên-Ly

Tình mới nặng với Ngô hầu một buổi
Nhưng lòng hồn đã ghi mối ơn thâm
Ngô chúa ơi, khi việc lớn toàn làm

Ta sẽ bỏ ra chi đều nhờ mợ.
 Cứu việc nghĩa cho Ly làm nên trọn,
 Vợ con Ly dù thác cũng cam lòng
 Nếu dễ dàng mọi sự hãy lo toàn
 Thì Ngô có cần đâu kẻ sĩ
 Bà mất vợ con, lòng Ly xót kỹ:
 Đem giang-san một mối trả nhà Ngô,
 Yên lê-dân, Minh-công vững cơ-tử
 Kêu hô-tử cũng cười vui dưới nắm
 Còn xương thịt quý đâu bằng nghĩa lớn
 Thiếu chi người vô-dụng đã tay chân?
 Việc đang làm, dù thịt nát xương tan
 Cũng đâu sợ thân này vai nhỏ tẹp

Ngô-hạp-Lư

Lời ngãi-khí ủa lòng gang dạ thép
 Ngờ ng e qua n, đi những tướng trong mơ
 Yên Khanh ơi, bấy giờ đèn bao giờ
 Cho gan tể được người như tiều hổ l.
 Lòng ngãi-sĩ Ngô ng e tuy đã hều
 Nhưng phân vân còn chưa rõ mưu thần
 Dù g một tay mà gết được cừu-nhân.

Yêu-Ly

Tay một cách nhưng lòng Ly có ắt nung,
 Dù Khanh-ky sức muốn phần vũ-dũng,
 Giẽ được chàng đang một chút mưu-thôi,
 Sắt nhưt nhưt thì nhưt thủ đủ rồi,
 Trừ Khanh-ky hai tay thừa thãi lắm l
 Ly đã quyết xin đi lời ắt dấm
 Cam-doan cùng Ngô-chủ để nên công.
 Nếu mệnh trời khiến việc lớn không xong
 Thì mai một tập này coi sẽ xê.
 Lo tính xai, e bàn lâu việc trễ.
 Xin Ngô-lầu truyền lệnh cưới tay Ly,
 Và đồng thời đem giết vợ con Ly.

Quân sư

Của ngơ-ngẩn như chưa ra khỏi mộng.

Võ tướng

Lòng nghĩa sĩ như ngọc văng muôn đồng

Yêu Ly

Ngài khen Ly nghe gióng mĩ-mai Ly.
 Xin thi-hành nhục-kế cho Ly đi.
 Ngô bầu chẳng tin Ly sao lưỡng-lự?

Ngô-hạp-Lư

Người tự-cổ lại kim trong khắp xứ,
 Yên Khanh ơi!

Yêu Ly

Ly là kẻ râu mày,
 Xin Ngô bầu truyền thi vợ ruộng tay

Ngô-hạp-Lư

Lòng sao nở?

Yêu Ly

Chưa công mưu việc lớn.

Ngô-hạp-Lư

Yên Khanh ơi, lòng ta đau đứt đoạn

Yêu-Ly

Muôn dài tãi hùng xĩ tắc sắp nghiêng
 Giữ sơn-à Kị-kh Ky muốn trứ yên,
 Cừu da báo hổ Ly đã trình mưu kế.
 Cờ muốn tuang, páo bay xe phải thế.
 Kê không làm Ly đâu được yên-thần
 Nhưng ng ỉ giang-san đau xót mền phàn.
 Lòng trộm n. lĩ: dạ ngãi nh -cử lăm.

Ngô-hạp-Lư

Ta đến đây để chận hòa máu thắm,

Yêu Ly

Máu vui -cờ được chảy giúp non sông

Ngô-hạp-Lư

Ta đến đây để giết vợ bại chồng . . .

Yêu Ly

Toàn trung-ngĩa chết vì nhà cũng thừa
 Rừng muốn gốc rễ vào đâu chiếc lá
 Việc sơn-nhà sao chúa quá ai-bi

Ngô-hạp-Lư

Thôi-quân bay

Yêu Ly

Vào bắt vợ con Ly

Ngô-hạp-Lư

Giải ôn-tiền ra nhà sau

Yêu Ly

Bay giải đi

Lời chúa phán đơ quân mau thừa-mạng

Kẻ tá

Thừa mạng (cấp gươm ra nhà sau)

(Còn nữa)

LEU-QUANG-THUẬT

SÁCH CẨM

Những sách có tên sau đây đã bị cấm lưu hành bán và tàng trữ trong toàn cõi Việt-Nam :

— *Đặng thục Lương và Hồ văn Trung :*
Pétain cách - ngôn.

— *Sogny : Les grandes familles de l'Annam*

— *Gouvernement général de l'Indochine :*
Souverains et notabilités de l'Indochine

— *N. D. X. Đội quân cầm tử Nhật*

— *P. am Q. ynh : Nouveaux essais franco - annamite*

— *Nguyễn tiểu Lăng : Indochine la douce*

— *C. Cho : Uông-tinh-Vệ thị*

Bất cứ ai bị nhà trong nước xét thấy các sách cấm trên đây sẽ bị truy-đốt trước tòa án.

VÀNG LÀ GÌ ?

(Tập theo Trung 5)

chạy đến Đông-dương rất nhiều Nhưng, như đã nói ở trên, cái họa mất nước đã khiến quốc-dân ta không được trông thấy số vàng ấy. Với độc-quyền phát hành giấy bạc, với độc-quyền chỉ-huy kinh-tế, nhóm thực-dân Pháp Đông-dương ngân-hàng đã chiếm lấy tất cả số vàng mệnh giá quốc-tế, cũng như tất cả số vàng đã khai ở các mỏ ra, để tung vãi trên thị-trường Đông-dương một mớ giấy vụn.

Nhưng cũng may, của quý nhất đời : Độc Lập, ta đã lấy lại được rồi, thì trong tương-lai gần đây việc lấy lại số vàng thực-chất của giấy bạc Đông-dương ngân-hàng cũng sẽ chỉ tùy ở ta, tùy ở sự tranh-đấu của hết thảy các tầng-lớp trong nước, để thực-hiện một nền độc-lập hoàn-toàn, kể cả nền độc-lập tài-chính.

Bảo rằng : - chừng đám ba năm nữa, người Việt-Nam sẽ tiêu xài bằng một đồng-vàng-thực để tăng giá-trị cho đồng-vàng-giấy (chỉ-phi) và đồng-vàng-số (số-tệ), cũng có thể đáng. Nhưng hẳn rằng nếu muốn, Chính-phủ Dân-chủ Cộng-Hòa Việt-Nam — cũng chỉ trong đám ba năm nữa — sẽ có thể trở lại cho quốc-dân số vàng đã cung vào quỹ tuần-lễ vàng thì chắc chắn không sai, vì Quốc-gia ngân-hàng của nước Việt-Nam sẽ sở hữu một số trữ-kim nhiều gấp mười lần để trả lại.

NGÔ CÔNG

TRI-TÂN TẠP-CHÍ

RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 208

Phong trào chính trị trong mấy tháng vừa qua	Kiến-Xương
Góp vui	Khám Trai — Tỉnh Phong
Vàng là gì ?	Ngô-Công
Độc lập với tự lập	Trần hám Tấn
Hà thành nhâm-ngọ lục (tuồng cổ I)	Dương tạ Quán
Tài liệu di sản chính văn cổ (LXXXIX)	Nguyễn-văn-Tổ
Hệ thống ca (IX)	Ứng-hòa
Bàn góp vào việc thảo hiến pháp	Trần Khê
Kịch yêu-ly (VI)	Lưu-quang Thuận

GIẤY BẢO

Một năm	55 \$ 00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	1 , 20

TÒA BÁC

95 — 97 phố Đông Tân — Hà-nội

Đại lý Ủy Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-dắt — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Chi 40, phố Đông kiều — Hải-dương